

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Standard auxiliary contact, circuit breaker status OF/SD/SDE/SDV, 1 changeover contact type, screwless spring terminals

29450

Main

Product or component type	Auxiliary contact
Device short name	OF SD SDE SDV
Device application	Breaker status monitoring
Range compatibility	ComPact ComPact NS630b...1600 ComPact ComPact NS1600b...3200 ComPact ComPacT INS ComPact Compact INV ComPact ComPact NSX EasyPact EasyPact CVS PowerPact PowerPact Multistandard ComPact ComPact NSX DC
Signal contacts composition	1 NO/NC

Complementary

Fault type	General electric fault
Local signalling	ON/OFF indication for open/close Trip indicator for relay trip indicator Fault trip for electrical fault
Auxiliary contacts type	Standard
Mounting mode	Clip-on
[I _{th}] conventional free air thermal current	5 A
Breaking capacity (A)	AC-12: 6 A at 24 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 48 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 110 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 380/440 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 480 V AC 50/60 Hz AC-12: 6 A at 660/690 V AC 50/60 Hz AC-15: 6 A at 24 V AC 50/60 Hz AC-15: 6 A at 48 V AC 50/60 Hz AC-15: 5 A at 110 V AC 50/60 Hz AC-15: 4 A at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-15: 2 A at 380/440 V AC 50/60 Hz AC-15: 1.5 A at 480 V AC 50/60 Hz AC-15: 0.1 A at 660/690 V AC 50/60 Hz DC-12: 6 A at 24 V DC 50/60 Hz DC-12: 2.5 A at 48 V DC 50/60 Hz DC-12: 0.6 A at 110 V DC 50/60 Hz DC-12: 0.3 A at 250 V DC 50/60 Hz DC-14: 1 A at 24 V DC 50/60 Hz DC-14: 0.2 A at 48 V DC DC-14: 0.05 A at 110 V DC DC-14: 0.03 A at 250 V DC
Minimum load	100 mA at 24 V DC

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Auxiliary connection terminal	Spring 0.5...1.5 mm² (AWG 20...AWG 16)
Accessory / separate part category	Spare part for Compact NS630b...1600 Spare part for Compact NS1600b...3200

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	1.400 cm
Package 1 Width	7.000 cm
Package 1 Length	7.000 cm
Package 1 Weight	16.900 g
Unit Type of Package 2	BB1
Number of Units in Package 2	10
Package 2 Height	4.500 cm
Package 2 Width	16.000 cm
Package 2 Length	16.000 cm
Package 2 Weight	177.000 g
Unit Type of Package 3	S03
Number of Units in Package 3	300
Package 3 Height	30.000 cm
Package 3 Width	30.000 cm
Package 3 Length	40.000 cm
Package 3 Weight	5.785 kg

Contractual warranty

Warranty	18 months
----------	-----------

Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

[Dữ liệu môi trường đã giải thích >](#)

[Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >](#)

Ảnh hưởng môi trường

Carbon footprint (kg.eq.CO2 per CR, Total Life cycle)	16
---	----

Environmental Disclosure	Product Environmental Profile
--------------------------	---



Accepted

Use Better

Vật liệu và Bao bì

Packaging made with recycled cardboard	No
--	----

Packaging without single use plastic	No
--------------------------------------	----

EU RoHS Directive	Compliant
-----------------------------------	-----------

REACH Regulation	REACH Declaration
------------------	-----------------------------------

China RoHS Regulation	China RoHS declaration
-----------------------	--

PVC free	Yes
----------	-----

Use Again

Đóng gói lại và tái sản xuất

Circularity Profile	No need of specific recycling operations
WEEE	 The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins
Halogen content performance	Product contains halogen above thresholds
Take-back	No